

KẾ HOẠCH

Về việc điều chỉnh, bổ sung các dự án trong Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Nông đến năm 2030; Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

Căn cứ tình hình thực tế phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 292/TTr-SXD ngày 25/02/2022; UBND tỉnh Đắk Nông ban hành bổ sung các dự án trong Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về phát triển nhà ở tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025 với những nội dung như sau:

1. Điều chỉnh tại điểm 2 mục II Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/02/2021 như sau:

a) Tổng diện tích nhà ở tăng thêm theo từng năm

1. Điều chỉnh điểm 2 mục II Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/02/2021 như sau:

a) Tổng diện tích nhà ở tăng thêm theo từng năm

STT	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021 - 2025	Diện tích nhà ở cần tăng thêm theo từng năm (m ²)				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà ở thương mại	598.364	44.926	119.478	164.404	134.778	134.778
2	Nhà ở dân tự xây	3.853.483	385.348	385.348	770.697	1.156.045	1.156.045
3	Nhà ở xã hội	100.000	10.000	20.000	20.000	20.000	30.000
4	Nhà ở tái định cư	89.852	8.985	8.985	17.970	26.956	26.956
Tổng cộng		4.641.699	449.259	533.811	973.071	1.337.779	1.347.779

b) Nhu cầu về vốn để phát triển nhà ở theo từng năm

STT	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021 - 2025	Vốn theo từng năm (tỷ đồng)				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà ở thương mại	5.744,5	430,8	1.148,9	1.579,8	1.292,5	1.292,5
2	Nhà ở dân tự xây	19.267,3	1.926,7	1.926,7	3.853,5	5.780,2	5.780,2
3	Nhà ở xã hội	959	95,9	191,8	191,8	191,8	287,7
4	Nhà ở tái định cư	615,5	61,5	61,5	123,1	184,6	184,6
Tổng cộng		26.586,1	2.515,0	3.328,9	5.748,2	7.449,2	7.545,1

Nguồn vốn phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 26.586,1 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách tỉnh để hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án nhà ở xã hội khoảng 49,0 tỷ đồng;

- Nguồn vốn huy động của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở khoảng 26.537,1 tỷ đồng.

c) Diện tích sử dụng đất tăng thêm để phát triển nhà ở theo từng năm

STT	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021 - 2025	Diện tích sử dụng đất cần tăng thêm (ha)				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà ở thương mại	198,52	14,9	39,66	54,76	44,6	44,6
2	Nhà ở dân tự xây	1480	148	148	296	444	444
3	Nhà ở xã hội	33	3,3	6,6	6,6	6,6	9,9
4	Nhà ở tái định cư	34	3,4	3,4	6,8	10,2	10,2
Tổng cộng		1.745,52	169,6	197,66	364,16	505,4	508,7

2. Điều chỉnh điểm 1, mục I của Phụ lục I kèm theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/02/2021, cụ thể:

1. Thành phố Gia Nghĩa

STT	Loại nhà ở	Số căn nhà ở cần tăng thêm theo từng năm					Diện tích nhà ở cần tăng thêm theo từng năm (m ²)				
		2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà ở thương mại	210	710	910	629	629	31.448,2	106.000	137.448	94.344,5	94.344,5

2	Nhà ở dân tự xây	852	852	1704	2556	2556	102.233,1	102.233,1	204.466,2	306.699,4	306.699,4
3	Nhà ở xã hội	7	13	13	13	20	472	943	943	943	1.415
4	Nhà ở tái định cư	19	19	37	56	56	2.246	2.246	4.493	6.739	6.739
	Tổng cộng	1088	1594	2664	3254	3261	136.399,3	211.422,1	47.350,2	408.725,9	409.197,9

STT	Loại nhà ở	Diện tích đất sử dụng theo từng năm (ha)					Vốn theo từng năm (tỷ đồng)				
		2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
1	Nhà ở thương mại	10,4	35,16	45,56	31,2	31,2	301,6	1.019,7	1.321,3	904,8	904,8
2	Nhà ở dân tự xây	33,8	33,8	67,6	101,5	101,5	511,2	511,2	1.022,3	1.533,5	1.533,5
3	Nhà ở xã hội	0,2	0,3	0,3	0,3	0,5	4,5	9	9	9	13,6
4	Nhà ở tái định cư	0,7	0,7	1,5	2,2	2,2	15,4	15,4	30,8	46,2	46,2
	Tổng cộng	45,1	69,96	114	135,2	135,4	832,7	1.555,3	2.383,4	2.493,5	2.498,1

3. Bổ sung 04 dự án vào mục II của Phụ lục II kèm theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/02/2021, cụ thể:

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Số người đáp ứng	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến tỷ lệ hoàn thành dự án (%)					Ghi chú	
							2021	2022	2023	2024	2025		
01	Khu đô thị lửa và nước Đắc R'tih (Đắc R'tih Fire and Water City)	Phường Nghĩa Phú, xã Đắc R'Moan	752,48	-	45.559	53.065	-	10	15	15	20	40	2026- 2028

02	Khu đô thị Thung lũng xanh Nghĩa Phú (Nghĩa Phu Green Valley City)	Phường Nghĩa Phú	47,79	-	2.475	1.609	-	10	25	25	20	20
03	Khu đô thị Cửa ngõ Nghĩa Phú (Nghĩa Phu Gateway City)	Phường Nghĩa Phú	42,27	-	4.104	8.662	-	10	25	25	20	20
04	Khu đô thị Đắk R'Moan (bao gồm 10 khu dân cư)	xã Đắk R'Moan	120	-	7.290	3.590		25	25	25	25	

4. Các nội dung khác thực hiện theo Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 03/02/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về phát triển nhà ở tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CTTĐT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Lê Văn Chiến